

CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (HSX: PDR)

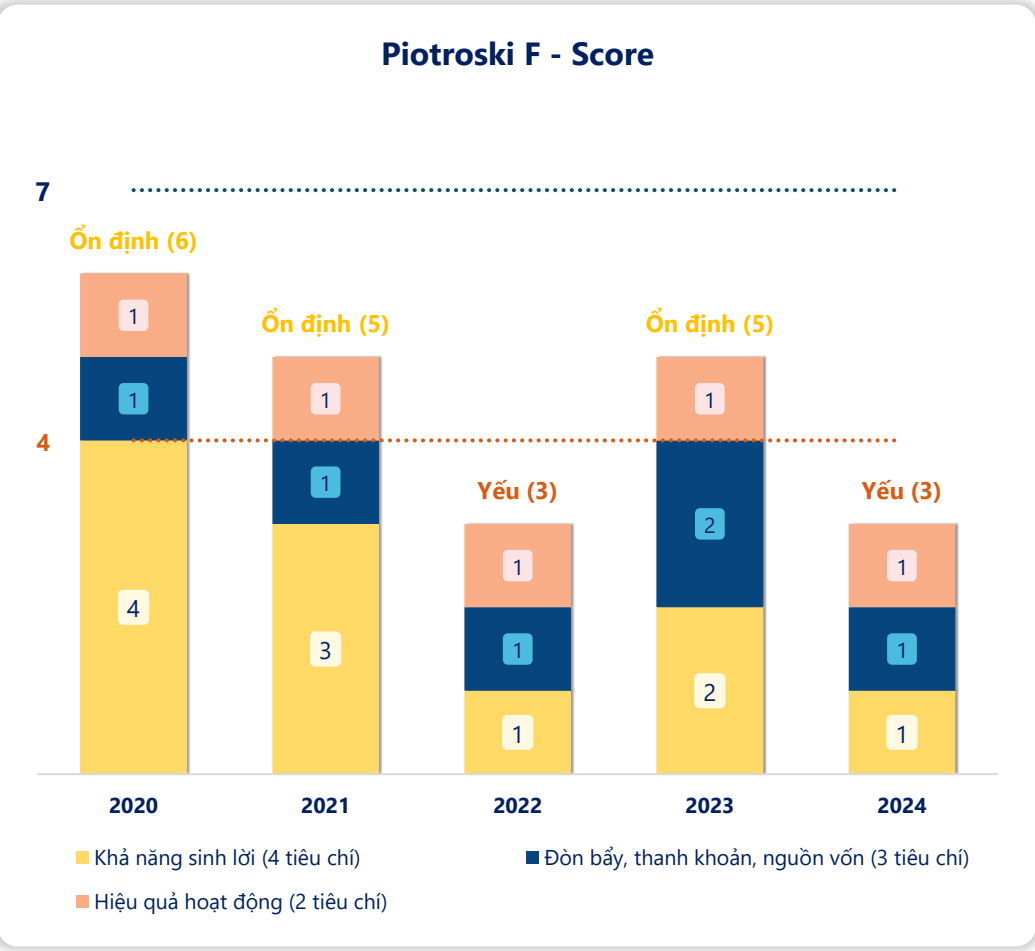
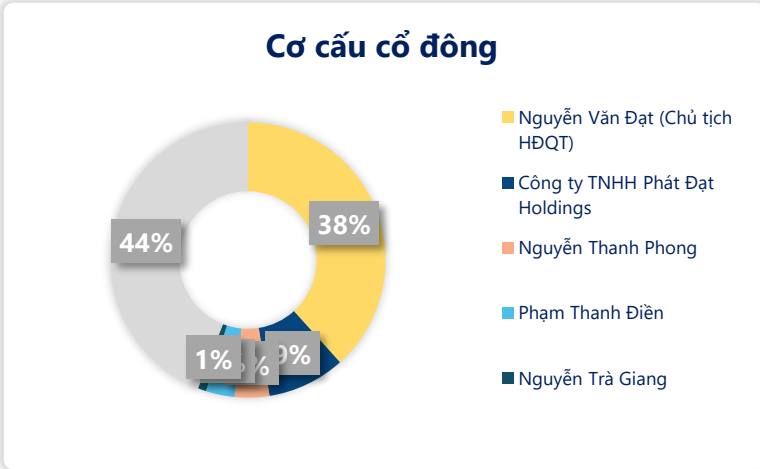
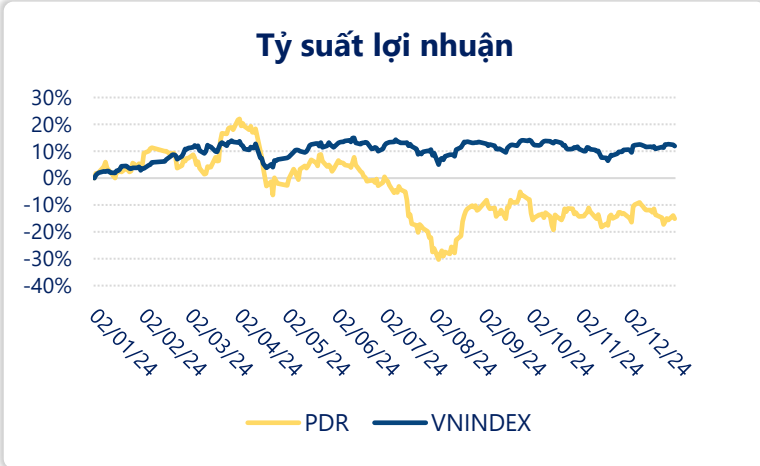
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	20,700 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.5%	-1.7%	-10.2%

Sức mạnh tài chính	2024
Piotroski F - Score	3/9
2024	(Yếu)

DT thuần	2024
2,017	YoY
tỷ VNĐ	▲ 1,399
	▲ 227%

LN sau thuế	2024
523	YoY
tỷ VNĐ	▼ 160
	▼ 23.4%

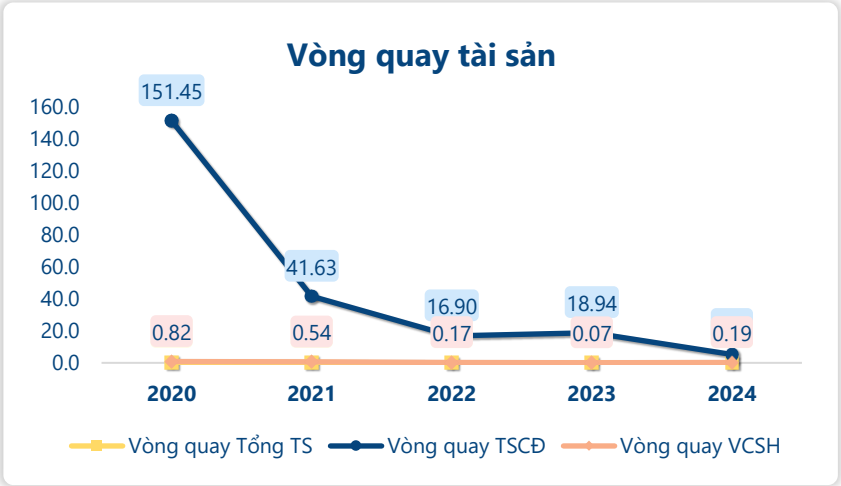
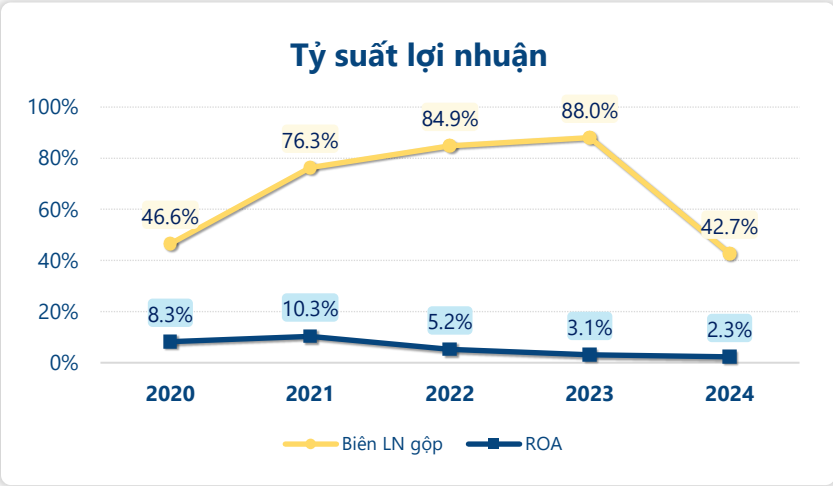
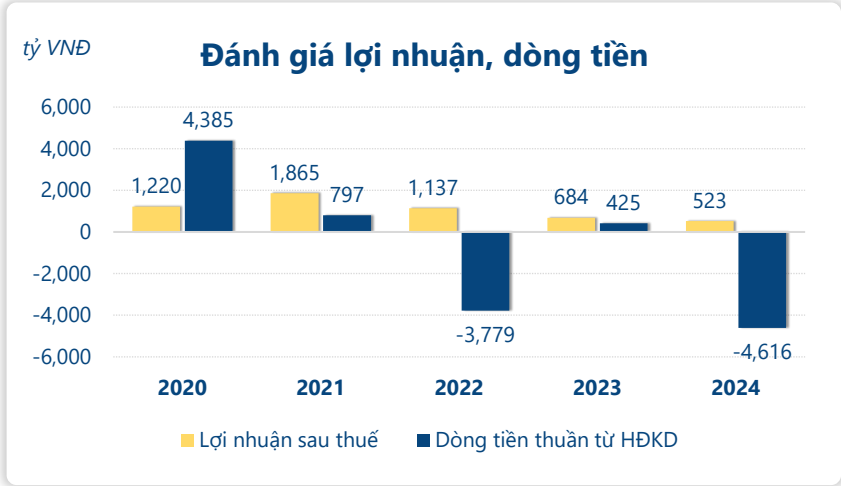


Năm **2024**, F-Score của **PDR** đạt **3/9** thấp hơn năm trước cho thấy dấu hiệu báo động về sức khỏe tài chính đang giảm xuống mức **"yếu"**.

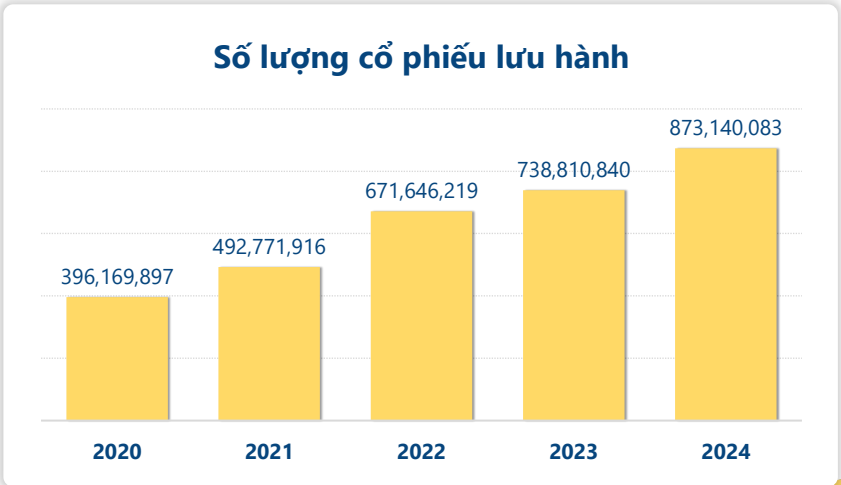
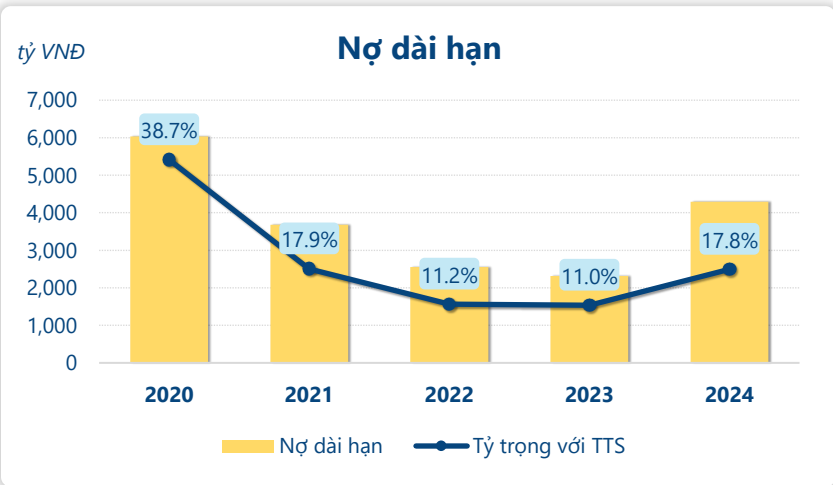
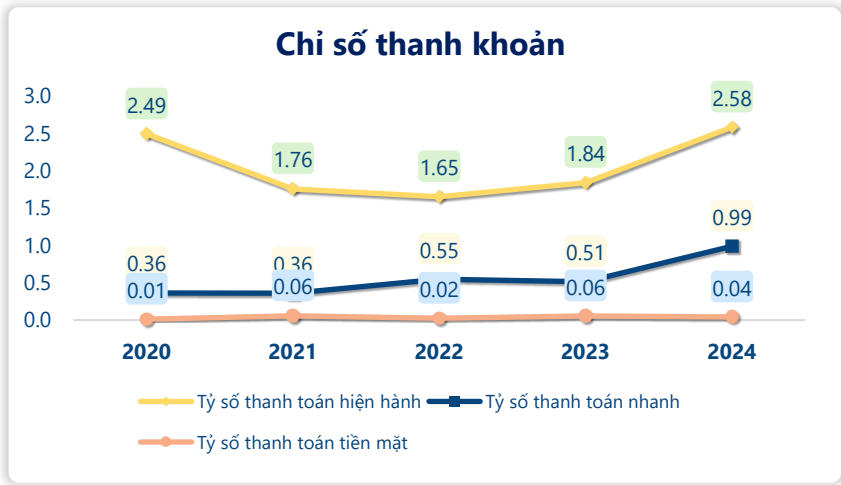
Trong đó, khả năng sinh lời **giảm** xuống còn **1/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn **kém hơn** năm trước đạt **1/3**. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, đạt điểm **1/2** ở mức ổn định so với năm trước.

F-Score ở mức yếu là một tín hiệu xấu cho thấy sự đáng lo ngại về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Phản ánh tình trạng không ổn định và rủi ro tài chính cao.

CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (HSX: PDR)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2024** của **PDR**: Lợi nhuận sau thuế dương là một tín hiệu tích cực, tuy nhiên dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm có thể cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc sinh lời từ hoạt động kinh doanh cốt lõi của mình. Công ty đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận từ mỗi đơn vị tài sản khi ROA giảm so với năm trước. Tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản tăng có thể tạo ra mức độ phụ thuộc cao hơn vào vốn vay dài hạn, làm tăng rủi ro tài chính cho doanh nghiệp. Tuy nhiên cũng có thể phản ánh chiến lược tài chính hoặc nhu cầu vốn vay để đầu tư và mở rộng hoạt động. Tỷ số thanh toán hiện hành tăng phản ánh sự cải thiện của công ty trong quản lý dòng tiền để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ ngắn hạn một cách hiệu quả hơn. Công ty phát hành cổ phiếu trong kỳ có thể dẫn đến EPS bị pha loãng, làm giảm giá trị cổ phiếu và giảm sự hấp dẫn của công ty đối với các nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	24,116	21,068	14.5%
Tài sản ngắn hạn	21,706	16,916	28.3%
Tiền và tương đương tiền	344	505	-32.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	115	15.4	651%
Phải thu ngắn hạn	7,762	4,115	88.6%
Hàng tồn kho	13,400	12,200	9.8%
Tài sản ngắn hạn khác	84.6	81.5	3.8%
Tài sản dài hạn	2,410	4,151	-41.9%
Phải thu dài hạn	38.7	733	-94.7%
Tài sản cố định	744	27.0	2652%
Bất động sản đầu tư	63.2	64.8	-2.4%
Tài sản dở dang	533	1,170	-54.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	38.0	1,202	-96.8%
Tài sản dài hạn khác	993	955	3.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	12,693	11,488	10.5%
Nợ ngắn hạn	8,400	9,177	-8.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,455	815	78.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	198	243	-18.7%
Nợ dài hạn	4,293	2,311	85.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	3,889	2,290	69.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	11,424	9,579	19.3%
Vốn chủ sở hữu	11,424	9,579	19.3%
Vốn điều lệ	8,731	7,388	18.2%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	3,911	3,620	1,505	618	2,017
Giá vốn hàng bán	2,089	857	227	73.8	1,156
Lợi nhuận gộp	1,822	2,763	1,277	544	861
Doanh thu HĐTC	6.12	6.74	1,372	952	401
Chi phí TC	31.1	163	760	399	320
Chi phí lãi vay	23.0	93.2	506	344	285
LN trong công ty LKLD	0	-0.11	-0.06	-23.2	-49.8
Chi phí bán hàng	118	18.0	26.3	14.5	69.5
Chi phí QLDN	130	221	275	199	195
LN thuần từ HĐKD	1,549	2,368	1,588	859	629
Lợi nhuận khác	-8.64	-23.5	-106	30.0	61.5
LN trước thuế	1,540	2,344	1,482	889	690
Lợi nhuận sau thuế	1,220	1,861	1,161	683	523
LNST của CĐ cty mẹ	1,220	1,865	1,137	684	523

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	4,385	797	-3,779	425	-4,616
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4,293	-2,753	2,585	490	910
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-685	2,397	962	-672	3,545
Tiền đầu kỳ	646	53.2	494	262	505
Lưu chuyển tiền thuần	-593	441	-232	243	-161
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	53.2	494	262	505	344